TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2022/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THỎA CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Đỗ Thị Minh T**, sinh năm: 1986.

Trú tại: Tổ 45, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân Phương, sinh năm: 1976, Luật sư Công ty Luật KPK- Chi nhánh Đà Nẵng, thuộc Đoàn luật sư TP. Đà Nẵng. Địa chỉ: 09 Chu Cẩm Phong, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;

*** Bị đơn:** Ông **Thái Văn S1**, sinh năm: 1981

Trú tại: Tổ 45, phường Hòa H, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Trần Đỗ D**, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 09 Liêm Lạc 21, phường Hòa X, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng;

2. Bà **Đỗ Thị Minh T1**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 64 Phù Đ, phường Hòa X, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng;

3. Bà **Lê Thị Châu P**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: Hẻm 24 đường Trần Cao V, phường Cẩm P1, thành phố Hội A, tỉnh Quảng Nam.

4. Bà **Lưu Thị L**, sinh năm: 1958

Đại chỉ: Xóm 3, thôn Phước B, xã Sơn V, huyện Nông S2, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Minh T và ông Thái Văn S1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Minh T và ông Thái Văn S1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị Minh T và ông Thái Văn S1 thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn; giao con Thái T2, sinh ngày 16/9/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông S1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/5/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Minh T và ông Thái Văn S1 yêu cầu Tòa án ghi nhận việc thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng cụ thể:

Bà Đỗ Thị Minh T và ông Thái Văn S1 thống nhất thỏa thuận việc phân chia tài sản chung và nợ chung theo văn bản thỏa thuận giá trị tài sản chung, phân chia tài sản chung và nợ chung khi ly hôn ngày 28/3/2022 và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định về việc phân chia tài sản chung và nợ chung như sau:

1. Nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có vay những khoản tiền sau:

- Năm 2018 vay anh Trần Đỗ Dũng 100.000.000 đồng để có vốn làm ăn và đã trả được 30.000.000 đồng. Đến nay còn nợ anh Dũng 70.000.000 đồng.

- Năm 2019 vay của chị Đỗ Thị Minh Thọ số tiền 250.000.000 đồng để xây nhà địa chỉ lô 14 khu B1-1, khu đô thị Phú Mỹ An, đường Vùng Trung 16, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn. Sau đó, vay của em gái Đỗ Thị Minh Thủy 250.000.000 đồng để trả cho chị Thọ vì chị Thọ cần gấp và đến nay vẫn còn nợ em gái Đỗ Thị Minh Thủy 250.000.000 đồng.

- Từ năm 2019, do dịch covid nên không làm ra tiền, phải vay của em gái kết nghĩa Lê Thị Châu Phương nhiều lần để trang trải chi phí sinh hoạt gia đình, trả nợ tiền mái che. Đến nay, tổng cộng vay của bà Phương 70.000.000 đồng và chưa trả được đồng nào.

- Năm 2018, vay của bà Lưu Thị Liên – mẹ tôi 50.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999 để mua hàng kinh doanh. Tiền này là mẹ tôi bán keo mà có và đến nay chúng tôi đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ bà Lưu Thị Liên 30.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 9999.

Vợ chồng tôi xác nhận tổng khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của chúng tôi là 425.000.000 đồng. Bà Thuận có trách nhiệm tiếp tục thanh toán nợ cho ông Dũng, bà Thủy, bà Phương, bà Liên. Ông Sự có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Thuận ½ nợ chung là 212.500.000 đồng.

2. Tài sản chung: Là quyền sử dụng đất và một căn nhà chưa cập nhật vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Lô 14 đường Vùng Trung 16, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 729562 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 6/12/2016 và được chỉnh lý biến động sang tên hai vợ chồng tôi vào ngày 15/10/2018 Thông tin tài sản chung như sau:

* Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 143 - Tờ bản đồ số: 157 - Địa chỉ thửa đất: lô 14 khu B1-1, khu đô thị Phú Mỹ An, đường Vùng Trung 16, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng - Diện tích: 100m2 - Hình thức sử dụng: Riêng - Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị - Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

* Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở Một căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 143, tờ bản đồ số 157, diện tích sàn 167,5m2, địa chỉ: lộ 14 khu B1-1, khu đô thị Phú Mỹ An, đường Vùng Trung 16, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Vợ chồng tôi thống nhất giá trị tài sản chung nêu trên là 4.800.000.000 đồng để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án và chúng tôi không yêu cầu Tòa án định giá tài sản chung.

3. Thỏa thuận về tỷ lệ phân chia tài sản chung: Trong khi chờ Tòa án giải quyết, mỗi bên được quyền tìm người mua để cùng nhau ra công chứng ký bán lấy tiền trả hết khoản nợ chung 425.000.000 đồng cho các chủ nợ. Số tiền bán đất còn

lại sau khi trả hết nợ chung chúng tôi thống chia theo tỷ lệ ông Sự nhận 4 phần, bà Thuận nhận 6 phần.

- Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng bà Đỗ Thị Minh T nguyện chịu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng, bà Đỗ Thị Minh T tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001144 ngày 18/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Hoàn lại bà Đỗ Thị Minh T 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai thu số 0001194 ngày 15/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND xã Quế Trung, huyện Quế Sơn (cũ), tỉnh Quảng Nam (số 102, quyển số 01/2005);
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm